

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31/12/2007.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 128.655.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn./*), chia thành 12.865.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông vốn Nhà Nước nắm giữ 7.045.440 cổ phần tương ứng với 70.454.400.000 đồng, chiếm 54,76% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 5.820.060 cổ phần, tương ứng với 58.200.600.000 đồng, chiếm 45,24% vốn điều lệ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng; tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình;
- Lắp đặt hệ thống điện (đường dây và trạm biến áp);
- Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc điều hành khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2009 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Trần Kế Tấn	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Việt	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Khôi	Thành viên
Ông Nguyễn Thọ Tiệm	Thành viên

Ban Giám đốc điều hành:

Ông Phạm Ngọc Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hoàng Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Thủy Đức	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính 2009 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Lương Quang Việt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 18/04/2007.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Ngọc Hòa
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 01 tháng 03 năm 2010



Số: 41 /2010/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2010

Hà Minh Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1221/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		203.073.885.962	169.619.710.667
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.630.552.176	57.720.654.563
1. Tiền	111		21.630.552.176	57.720.654.563
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	40.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		40.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		91.433.427.892	57.078.710.701
1. Phải thu khách hàng	131		86.465.167.159	39.485.505.204
2. Trả trước cho người bán	132		149.171.344	4.612.303
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	4.819.089.389	17.588.593.194
IV. Hàng tồn kho	140		49.585.714.910	49.349.917.847
1. Hàng tồn kho	141	V.4	49.585.714.910	50.171.851.273
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(821.933.426)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		424.190.984	470.427.556
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		289.512.984	274.726.756
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		134.678.000	195.700.800
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.012.000.801	75.320.945.903
II. Tài sản cố định	220		53.503.667.334	72.820.945.903
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	35.502.903.253	67.553.585.449
- Nguyên giá	222		414.233.541.043	411.279.332.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(378.730.637.790)	(343.725.747.495)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	18.000.764.081	5.267.360.454
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500.000.000	2.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	2.500.000.000	2.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.333.467	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.333.467	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		259.085.886.763	244.940.656.570

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		70.269.073.171	72.011.684.270
I. Nợ ngắn hạn	310		69.177.787.573	71.481.304.770
2. Phải trả người bán	312		15.545.789.512	16.159.276.491
3. Người mua trả tiền trước	313		100.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	18.678.915.129	11.446.521.995
5. Phải trả người lao động	315		9.492.736.431	16.668.622.688
6. Chi phí phải trả	316	V.9	18.025.451.074	5.315.368.009
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	7.434.795.427	21.891.515.587
II. Nợ dài hạn	330		1.091.285.598	530.379.500
4. Vay và nợ dài hạn	334		470.000.000	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		621.285.598	530.379.500
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		188.816.813.592	172.928.972.300
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	178.925.632.573	157.834.308.746
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.655.000.000	128.655.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.831.011.427	1.806.011.427
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.899.337.981	660.970.370
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.296.191.311	2.466.981.797
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		543.976.359	493.396.359
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		39.700.115.495	23.751.948.793
II. Quỹ khác	430		9.891.181.019	15.094.663.554
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		9.891.181.019	15.094.663.554
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		259.085.886.763	244.940.656.570



Phạm Ngọc Hòa
Tổng Giám đốc
Ninh Bình, ngày 01 tháng 03 năm 2010

Lương Quang Việt
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	509.004.508.451	452.817.593.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	9.171.424
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	509.004.508.451	452.808.422.242
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	410.306.356.188	363.638.519.431
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		98.698.152.263	89.169.902.811
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.719.472.870	2.118.893.401
7. Chi phí tài chính	22		35.839.700	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.839.700	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	434.465.975	414.266.058
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	27.110.313.928	22.236.067.787
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.837.005.530	68.638.462.367
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6.794.987.650	2.400.995.787
12. Chi phí khác	32	VI.7	5.262.406.136	2.533.088.988
13. Lợi nhuận khác	40		1.532.581.514	(132.093.201)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.369.587.044	68.506.369.166
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		18.785.396.761	19.166.733.233
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.584.190.283	49.339.635.933
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.398	3.835



Phạm Ngọc Hòa
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 01 tháng 03 năm 2010

Lương Quang Việt
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1. Lợi nhuận thuần trước thuế	01	75.369.587.044	68.506.369.166
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	35.130.053.816	34.517.867.146
- Các khoản dự phòng	03	912.839.524	(821.933.426)
- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(4.252.054.384)	(1.874.704.936)
- Chi phí lãi vay	06	35.839.700	-
3. Lưu chuyển tiền thuần trước những thay đổi của vốn lưu động	08	107.196.265.700	100.327.597.950
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(34.293.694.391)	(13.220.171.694)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(586.136.363)	(4.351.182.780)
- (Tăng)/(Giảm) các khoản phải trả	11	(29.161.914.989)	(13.921.644.335)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	23.119.695	(56.806.856)
- Lãi vay đã trả	13	(35.839.700)	(3.218.158.751)
- Thuế TNDN đã nộp	14	(9.018.198.741)	(19.328.701.829)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15	201.468.304	23.888.832
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	(16.153.293.384)	(3.155.990.838)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	18.171.776.131	43.098.829.699
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.855.398.326)	(2.455.300.547)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	193.241.667	157.037.070
3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.719.472.870	2.118.893.401
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(40.942.683.789)	(5.179.370.076)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu do đi vay	33	470.000.000	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.789.194.729)	(10.258.480.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.319.194.729)	(10.258.480.000)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(36.090.102.387)	27.660.979.623
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	57.720.654.563	30.059.674.940
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	21.630.552.176	57.720.654.563



Phạm Ngọc Hòa
 Tổng Giám đốc
 Ninh Bình, ngày 01 tháng 03 năm 2010

Lương Quang Việt
 Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31/12/2007.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 128.655.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn./), chia thành 12.865.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông vốn Nhà nước nắm giữ 7.045.440 cổ phần tương ứng với 70.454.400.000 đồng, chiếm 54,76% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 5.820.060 cổ phần, tương ứng với 58.200.600.000 đồng, chiếm 45,24% vốn điều lệ.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng; tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình;
- Lắp đặt hệ thống điện (đường dây và trạm biến áp);
- Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trong việc lập Báo cáo tài chính này của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009:

1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

4 Lập dự phòng

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân gia quyền.

6 Các khoản đầu tư dài hạn

Công ty ghi nhận khoản đầu tư dài hạn khác theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận được chia sau ngày phát sinh các khoản đầu tư này được hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Các khoản khác mà nhà công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

7 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35
Máy móc thiết bị sản xuất	7 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: Chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí chưa phát sinh thực tế nhưng có liên quan đến kỳ báo cáo chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định. Đối với Tài sản cố định là thiết bị, phương tiện chuyên ngành có quy định kỹ thuật về sửa chữa định kỳ được Công ty trích trước chi phí sửa chữa và hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ trên tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và quyết toán theo số thực tế phát sinh tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

10 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Lợi nhuận phát sinh do đánh giá lại tỷ giá của các khoản công nợ, tiền mặt có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

11 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định hàng tháng căn cứ vào biên bản bàn giao sản lượng điện giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình với Công ty Mua bán điện (được Tập đoàn Điện lực Việt Nam ủy quyền) và giá bán điện thỏa thuận trên hợp đồng mua bán điện số 01-2006/NBPTC-EVN là 617,82 đồng/Kwh và được điều chỉnh theo giá nhiên liệu đầu vào dùng cho sản xuất điện.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

12 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng trong năm 2009 là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp, ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ tài chính về việc ban hành và công bố 06 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4).

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả của Cơ quan Thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Tiền mặt	231.059.300	244.554.400
Tiền gửi ngân hàng	21.399.492.876	57.476.100.163
Tổng cộng	21.630.552.176	57.720.654.563

2 Đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Ngân hàng Công Thương tỉnh Ninh Bình (*)	25.000.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực (**)	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Điện Lực - Ninh Bình	-	5.000.000.000
Tổng cộng	40.000.000.000	5.000.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Ngân hàng Công Thương tỉnh Ninh Bình.

(**) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình uỷ thác quyền quản lý cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực theo Hợp đồng uỷ thác Quản lý vốn số 042/2009/EVNFC-NĐNB/UTQLV ngày 01/10/2009. Hợp đồng có thời hạn 12 tháng kể từ ngày 01/10/2009 đến ngày 01/07/2010, trong đó lãi suất kỳ đầu tiên tính từ ngày 01/10/2009 đến ngày 01/07/2010 là 8,6%/năm và được thanh toán 9 tháng một lần.

3 Các khoản phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Phải thu về Cổ phần hoá	-	399.927.177
Phải thu khác	4.780.848.097	17.188.666.017
+ Chia thưởng năm 2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	14.762.235.919
+ Ban Quản lý Dự án 300MW	3.783.152.087	650.914.008
+ Thuế thu nhập cá nhân	110.704.949	1.241.816.300
+ Lãi tiền cho vay	626.120.738	430.050.000
+ Phải thu khác	260.870.323	103.649.790
Tổng cộng	4.819.089.389	17.588.593.194

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Hàng mua đang đi đường	1.146.157.336	692.223.344
Nguyên vật liệu	47.592.863.385	48.784.705.667
Công cụ dụng cụ	470.604.676	437.313.658
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	287.475.016	106.035.094
Thành phẩm tồn kho	88.614.497	145.749.587
Hàng hoá	-	5.823.923
Cộng giá gốc hàng tồn kho	49.585.714.910	50.171.851.273

(*) Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá Hàng tồn kho trong năm số tiền là 821.933.426 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2009	74.916.504.532	320.821.378.377	13.194.925.584	2.346.524.451	411.279.332.944
- Tăng do mua mới	2.567.072.000	46.500.000	467.312.699	41.110.000	3.121.994.699
- Thanh lý, nhượng bán	(67.786.600)	-	(100.000.000)	-	(167.786.600)
Tại ngày 31/12/2009	77.415.789.932	320.867.878.377	13.562.238.283	2.387.634.451	414.233.541.043
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2009	50.922.987.789	282.763.215.493	8.237.899.094	1.801.645.119	343.725.747.495
- Trích khấu hao trong năm	3.673.641.894	29.990.831.426	1.225.513.969	240.066.527	35.130.053.816
- Thanh lý, nhượng bán	(60.904.660)	-	(64.258.861)	-	(125.163.521)
Tại ngày 31/12/2009	54.535.725.023	312.754.046.919	9.399.154.202	2.041.711.646	378.730.637.790
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2009	23.993.516.743	38.058.162.884	4.957.026.490	544.879.332	67.553.585.449
Tại ngày 31/12/2009	22.880.064.909	8.113.831.458	4.163.084.081	345.922.805	35.502.903.253

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2009 là 271.957.097.415 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Đầu tư Tài sản cố định	182.410.909	-
+ Công trình xưởng tuyển tro xỉ	182.410.909	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	17.818.353.172	5.267.360.454
+ Đại tu lò hơi số 2	8.600.330.050	-
+ Đại tu tua bin số 2	3.241.109.381	-
+ Đại tu các thiết bị cung cấp nhiên liệu	1.972.926.622	-
+ Đại tu máy biến áp	1.577.700.000	-
+ Đại tu hệ thống thải xỉ	1.146.095.083	-
+ Trùng tu nhà công vụ 5 tầng	691.500.000	-
+ Đại tu hệ thống tuần hoàn	251.223.252	-
+ Trùng tu nhà công vụ 3 tầng	245.000.000	-
+ Đại tu thiết bị gia công cơ khí	92.468.784	-
+ Trùng tu lò hơi số 1	-	5.046.497.554
+ Trùng tu phần tường nhà máy chính	-	188.062.900
+ Đại tu di chuyển cân 30 tấn	-	32.800.000
Tổng cộng	18.000.764.081	5.267.360.454

7 Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc theo Nghị quyết của HĐQT Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bản cam kết góp vốn số 137/NĐNB-TCLĐ ngày 23/02/2008 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình với số tiền là 2.500.000.000 đồng (tương ứng với 5% vốn điều lệ của Công ty này).

8 Thuế và khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.624.797.462	4.157.616.007
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.729.988.688	5.962.790.668
Thuế TN cá nhân	97.904.949	1.200.000.000
Thuế tài nguyên	226.224.030	126.115.320
Tổng cộng	18.678.915.129	11.446.521.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9 Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản (*)	17.818.353.175	5.267.360.457
Trích trước chi phí phải trả khác	207.097.899	48.007.552
Tổng cộng	18.025.451.074	5.315.368.009

(*) Là khoản trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định đã được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2009.

10 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Kinh phí công đoàn	37.762.550	17.811.476
Bảo hiểm xã hội	162.011.269	705.597
Bảo hiểm y tế	-	794.300
Phải trả về cổ phần hoá	-	6.761.443.549
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.235.021.608	15.110.760.665
+ Phải trả về tiền Văn phòng Dự án	2.929.941.622	2.929.941.622
+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam về tài sản tạm tăng	2.198.629.972	2.198.629.972
+ Tiền đền bù, di dời Nhà máy	1.518.844.379	1.518.844.379
+ Lãi mua cổ phiếu	564.658.018	1.193.961.847
+ Bảo lãnh cung cấp thiết bị	8.000.000	55.037.200
+ Lợi nhuận năm 2007 chưa trả Tập đoàn	-	6.683.814.104
+ Phải trả khác	14.947.617	530.531.541
Tổng cộng	7.434.795.427	21.891.515.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11 Vốn chủ sở hữu

11.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 128.655.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn./), chia thành 12.865.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông vốn Nhà nước nắm giữ 7.045.440 cổ phần tương ứng với 70.454.400.000 đồng, chiếm 54,76% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 5.820.060 cổ phần, tương ứng với 58.200.600.000 đồng, chiếm 45,24% vốn điều lệ.

11.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và cổ tức, lợi nhuận được chia

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	128.655.000.000	128.655.000.000
+ Vốn góp đầu năm	128.655.000.000	128.655.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	128.655.000.000	128.655.000.000

11.3 Cổ phiếu

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2009	01/01/2009
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.865.500	12.865.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.865.500	12.865.500
Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	12.865.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.865.500	12.865.500
Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	12.865.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại (VND/CP)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

Phường Thanh Bình, Thành Phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****11.4 Bảng tổng hợp biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2008	128.655.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	128.655.000.000	
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	49.339.635.933	-	49.339.635.933	
- Trích lập các quỹ	-	1.806.011.427	-	2.466.981.797	-	2.466.981.797	-	493.396.359	-	(15.295.287.140)	-	(8.061.915.760)	
- Tạm chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(10.292.400.000)	-	(10.292.400.000)	
- Giảm khác	-	-	-	(1.806.011.427)	-	-	-	-	-	-	-	(1.806.011.427)	
Tại ngày 31/12/2008	128.655.000.000	1.806.011.427	-	660.970.370	-	2.466.981.797	-	493.396.359	-	23.751.948.793	-	157.834.308.746	
Tại ngày 01/01/2009	128.655.000.000	1.806.011.427	-	660.970.370	-	2.466.981.797	-	493.396.359	-	23.751.948.793	-	157.834.308.746	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	56.584.190.283	-	56.584.190.283	
- Tăng khác	-	25.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25.000.000	
- Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	2.238.367.611	-	2.829.209.514	-	500.000.000	-	(11.316.838.056)	-	(5.749.260.931)	
- Tạm chia cổ tức năm 2009 (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(29.319.185.525)	-	(29.319.185.525)	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(449.420.000)	-	-	-	(449.420.000)	
Tại ngày 31/12/2009	128.655.000.000	1.831.011.427	-	2.899.337.981	-	5.296.191.311	-	543.976.359	-	39.700.115.495	-	178.925.632.573	

(*) Trong năm 2009, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ Lợi nhuận sau thuế (LNST) theo quy định tại Điều lệ và Quy chế tài chính của Công ty với mức trích lập là: Quỹ Đầu tư phát triển: 5% LNST; Quỹ Dự phòng tài chính: 5% LNST; Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi: 20% LNST; Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty 1% LNST và tối đa không quá 500.000.000 đồng.

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 được tổ chức vào ngày 15/04/2009, Công ty đã chi trả cổ tức còn lại của năm 2008 với mức 15% Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tương ứng với số tiền 19.298.250.000 đồng; và theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 24/09/2009, Công ty đã tạm chi trả cổ tức đợt 1 năm 2009 với số tiền 10.020.935.526 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.004.508.451	452.817.593.666
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng	508.920.110.817	452.728.143.900
<i>Doanh thu bán điện</i>	<i>498.212.755.651</i>	<i>442.052.162.419</i>
<i>Doanh thu bán sản phẩm khác</i>	<i>10.707.355.166</i>	<i>10.675.981.481</i>
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	84.397.634	89.449.766
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	9.171.424
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.004.508.451	452.808.422.242

2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn sản xuất điện	399.382.696.610	354.361.128.981
Giá vốn hoạt động khác	10.851.474.735	9.221.900.550
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	72.184.843	55.489.900
Tổng cộng	410.306.356.188	363.638.519.431

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.419.472.870	2.003.800.665
Cổ tức, lợi nhuận được chia	300.000.000	115.092.736
Tổng cộng	2.719.472.870	2.118.893.401

4 Chi phí bán hàng

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí vật liệu	149.048.217	142.941.993
Chi phí hàng hoá, dịch vụ mua ngoài	213.376.904	190.586.020
Chi phí bằng tiền khác	72.040.854	80.738.045
Tổng cộng	434.465.975	414.266.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.704.516.922	12.319.698.283
Chi phí vật liệu quản lý	201.576.395	117.680.932
Chi phí đồ dùng văn phòng	269.217.871	233.560.948
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.193.590.192	1.954.375.175
Thuế và các khoản lệ phí	1.248.786.643	1.157.761.354
Chi phí sửa chữa	-	374.894.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.767.108.915	1.162.849.250
Chi phí khác bằng tiền	3.334.314.312	4.291.016.828
Chi phí dự phòng	-	624.230.700
Chi phí khác	2.391.202.678	-
Tổng cộng	27.110.313.928	22.236.067.787

6 Thu nhập khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu từ các khoản chi Ban QLDA NMND Ninh Bình 2	3.731.476.561	2.086.004.688
Doanh thu bán xi	2.422.844.939	-
Thu do nhượng bán, thanh lý tài sản	193.241.667	157.037.070
Lệ phí cảng	121.900.868	100.293.864
Tiền bảo lãnh thầu	104.059.451	-
Thu từ cho thuê ca xe	79.567.436	37.973.346
Thu phạt do vi phạm hợp đồng	-	14.000.000
Thu nhập khác	141.896.728	5.686.819
Tổng cộng	6.794.987.650	2.400.995.787

7 Chi phí khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí cho Ban QLDA NM Nhiệt điện Ninh Bình 2	3.572.996.561	2.014.508.077
Chi phí cho tổ vận tro xi	722.577.500	-
Chi phí tài sản, phế liệu thanh lý	707.578.308	140.007.151
Chi phí cho thuê ca xe	144.272.821	32.782.161
Thanh lý TSCĐ	42.623.079	286.132.799
Các khoản chi khác	72.357.867	59.658.800
Tổng cộng	5.262.406.136	2.533.088.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị khác là chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình. Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

1.1 Các giao dịch với bên liên quan**Bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	501.778.895.643	444.138.167.107
- Bán điện cho Công ty Mua bán điện	498.046.891.314	442.052.162.419
- Bán điện cho Văn phòng Dự Án	527.768	-
- Dịch vụ cung cấp cho Ban quản lý Dự án	3.731.476.561	2.086.004.688
Tổng cộng	501.778.895.643	444.138.167.107

1.2 Số dư với bên liên quan**Phải thu**

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	85.597.271.243	53.457.299.321
- Công ty Mua Bán Điện	85.597.271.243	38.695.063.402
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam về lợi nhuận năm 2007	-	14.762.235.919
Tổng cộng	85.597.271.243	53.457.299.321

Phải trả

	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.128.571.594	18.573.829.247
Trong đó:		
- Phải trả về cổ phần hóa	-	6.761.443.549
- Phải trả khác	5.128.571.594	11.812.385.698
+ Về tài sản tạm tăng	2.198.629.972	2.198.629.972
+ Phải trả về tiền Văn phòng Dự án	2.929.941.622	2.929.941.622
+ Lợi nhuận chưa trả Tập đoàn	-	6.683.814.104
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu PETEC	321.250.200	88.323.591
Tổng cộng	5.449.821.794	18.662.152.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY. Một số số liệu đã được phân loại lại nhằm mục đích so sánh với số liệu năm nay.



Phạm Ngọc Hòa
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 01 tháng 03 năm 2010

Lương Quang Việt
Kế toán trưởng